|  |  |
| --- | --- |
| **THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ**  Số:  /QĐ-TTg  **DỰ THẢO** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**    *Hà Nội, ngày  tháng năm 2025* |

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt Kế hoạch hành động quốc gia về khắc phục**

**và quản lý chất lượng môi trường không khí giai đoạn 2025-2030**

**THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;*

*Căn cứ Nghị định số 35/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;*

*Căn cứ Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số*[*08/2022/NĐ-CP*](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/tai-nguyen-moi-truong/nghi-dinh-08-2022-nd-cp-huong-dan-luat-bao-ve-moi-truong-479457.aspx)*ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 08/01/2025 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế- xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2025;*

*Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt “Kế hoạch hành động quốc gia về khắc phục ô nhiễm và quản lý chất lượng môi trường không khí giai đoạn 2025 - 2030” với các nội dung chủ yếu sau:

**1. MỤC TIÊU**

**1.1. Mục tiêu tổng thể**

Tăng cường hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý chất lượng môi trường không khí thông qua kiểm soát nguồn phát sinh khí thải, giám sát chất lượng không khí xung quanh, cảnh báo, dự báo chất lượng không khí nhằm cải thiện chất lượng môi trường không khí và bảo đảm sức khỏe cộng đồng, thúc đẩy phát triển kinh tế xanh, bền vững; đẩy mạnh khắc phục tình trạng ô nhiễm không khí tại một số đô thị lớn.

**1.2. Mục tiêu cụ thể**

- Cải thiện chất lượng không khí tại các đô thị, trong đó:Kiềm chế, từng bước kiểm soát được mức độ gia tăng ô nhiễm, tiến tới giảm dần mức độ ô nhiễm không khí tại các đô thị lớn (tập trung vào Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh và các khu vực lân cận). Các đô thị lớn (các đô thị đặc biệt và đô thị loại I) ban hành các mục tiêu cụ thể để quản lý chất lượng, giảm thiểu nguồn gây ô nhiễm môi trường không khí.

- Hoàn thiện cơ chế, chính sách về quản lý chất lượng không khí

- Tăng cường nguồn lực đầu tư từ ngân sách nhà nước và huy động huy động nguồn lực tài chính từ khối tư nhân, xã hội hóa để thực hiện, triển khai các hoạt động, nhiệm vụ, dự án.

- Kiểm soát và giảm thiểu phát thải từ các ngành công nghiệp thông qua chuyển đổi, cải tiến công nghệ và điều chỉnh cấu trúc năng lượng của một số ngành công nghiệp tiêu thụ năng lượng trọng điểm.

- Xây dựng và triển khai chương trình hỗ trợ chuyển đổi nhiên liệu cho các cơ sở công nghiệp sử dụng “lò hơi đốt than” sang sử dụng nguồn nhiên liệu sạch, sinh khối, tái tạo, thân thiện môi trường.

- Tăng cường kiểm soát khí thải phương tiện xe cơ giới, hướng đến các phương tiện xe cơ giới sử dụng nhiên liệu xanh, sạch, thân thiện môi trường. Phát triển đồng bộ hạ tầng giao thông, nâng cấp phương tiện giao thông công cộng, mục tiêu tỷ lệ phương tiện xe buýt sử dụng điện, năng lượng xanh đến năm 2030 đạt 90% tại Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh, các địa phương còn lại đạt tối thiểu 50%.

- Ban hành và triển khai các quy định, biện pháp quản lý môi trường tại các công trình xây dựng, đẩy mạnh tái sử dụng, tái chế chất thải xây dựng.

- Thúc đẩy giải pháp tăng cường tái sử dụng, tái chế phụ phẩm nông nghiệp, kiểm soát, thực thi giám sát hoạt động đốt mở.

- Phát triển hệ thống quan trắc, tiếp nhận thông tin, dữ liệu về chất liệu không khí đồng bộ; nâng cao năng lực, ứng dụng khoa học công nghệ, trí tuệ nhân tạo (AI) thực hiện công tác giám sát, dự báo và cảnh báo.

- Tăng cường hoạt động hợp tác quốc tế, nghiên cứu khoa học, truyền thông, tuyên truyền về quản lý, kiểm soát chất lượng môi trường không khí.

**2. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP**

**2.1. Kiểm soát nguồn phát sinh khí thải**

- Các địa phương thực hiện kiểm kê khí thải trên địa bàn và tích hợp vào cơ sở dữ liệu quốc gia.

- Hoàn thiện hệ thống quan trắc tự động liên tục tại các nguồn thải lớn (nhiệt điện, than, xi măng, luyện thép, lò đốt chất thải rắn sinh hoạt), kết nối dữ liệu vào hệ thống tích hợp thông tin của các Sở Nông nghiệp và Môi trường và Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

- Đầu tư xây dựng hạ tầng cơ sở dữ liệu quản lý nguồn phát thải, tích hợp dữ liệu kiểm kê và vận hành mô hình tính toán lan truyền để cảnh báo, dự báo ô nhiễm; thường xuyên cập nhật và công khai dữ liệu; ứng dụng công nghệ AI, Big Data để phân tích mức độ đóng góp của từng nguồn, làm cơ sở cho các biện pháp điều tiết, ứng phó và khắc phục ô nhiễm.

- Thí điểm áp dụng các giải pháp công nghệ, kỹ thuật tiên tiến trong xử lý khí thải, kiểm soát phát thải cho một số nguồn và ngành đặc thù (nhiệt điện, xi măng, thép) nhằm đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp.

- Khai thác, sử dụng hiệu quả các nguồn năng lượng tái tạo phục vụ sản xuất công nghiệp; xây dựng và triển khai chương trình hỗ trợ chuyển đổi năng lượng đối với các cơ sở công nghiệp sử dụng nhiên liệu than tại vùng Đồng bằng Sông Hồng và Đông Nam Bộ.

**2.2. Hoàn thiện các chính sách pháp luật về kiểm soát, quản lý chất lượng không khí**

- Xây dựng lộ trình cung ứng nhiên liệu và kiểm soát chất lượng nhiên liệu phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và lộ trình áp dụng quy chuẩn khí thải phương tiện giao thông cơ giới đương bộ, trình Thủ tướng Chính phủ ban hành trước tháng 9 năm 2025.

- Hoàn thiện Nghị định về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường, xác định rõ các đối tượng, hành vi vi phạm với mức xử phạt nghiêm khắc trong hoạt động bảo vệ môi trường không khí.

- Xây dựng các tiêu chuẩn, quy chuẩn địa phương về kiểm soát khí thải phương tiện xe cơ giới (ô tô, xe máy) đang lưu hành, đảm bảo chi tiết và chặt chẽ hơn quy chuẩn kỹ thuật quốc gia.

- Rà soát các hướng dẫn kỹ thuật về kiểm kê phát thải đối với nguồn điểm, nguồn diện và nguồn di động.

- Thiết lập hệ thống ứng phó sự cố ô nhiễm môi trường không khí nghiêm trọng (tiếp nhận dữ liệu – phản hồi – hành động) đặt tại Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

- Hoàn thiện chính sách ưu đãi cho các đối tượng sử dụng phương tiện công cộng (đặc biệt là học sinh, sinh viên), chính sách chuyển đổi phương tiện sử dụng năng lượng xanh, sạch, thân thiện môi trường; trợ giá sản phẩm tái chế từ phụ phẩm nông nghiệp; hỗ trợ dịch vụ kinh doanh thuê xe điện.

- Nghiên cứu, xây dựng và ban hành tiêu chí chứng nhận Nhãn Sinh thái Việt Nam đối với các phương tiện và dịch vụ giao thông vận tải thân thiện môi trường.

- Hoàn thiện quy định, hướng dẫn, quy trình bảo dưỡng động cơ, hệ thống xử lý khí thải các phương tiện cơ giới đường bộ và quy định về thu gom, vận chuyể, xử lý, tái chế chất thải xây dựng.

**2.3. Nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao khoa học công nghệ**

- Nghiên cứu, ứng dụng và triển khai thí điểm công nghệ xử lý khí thải hiện đại cho các ngành nhiệt điện, xi măng, lò hơi, thép và phương tiện giao thông đường bộ; ứng dụng kỹ thuật tốt nhất hiện có (BAT) và kinh nghiệm quản lý môi trường tốt nhất (BEP) trong các ngành công nghiệp đặc thù, tập trung thí điểm tại các tỉnh phía Bắc; triển khai sản xuất sạch hơn và các giải pháp công nghệ xử lý khí thải cho nguồn tĩnh và nguồn động.

- Phân tích nguồn gốc và thành phần bụi PM2.5 để xác định nguyên nhân và đề xuất giải pháp can thiệp.

- Nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao công nghệ tận thu, tái chế phụ phẩm nông nghiệp; phát triển công nghệ vật liệu để xây dựng công trình xanh, sinh thái, tuần hoàn, phát thải thấp.

- Đặt hàng, nâng cao năng lực cho các trường đại học, viện nghiên cứu, trung tâm để thực hiện các đề tài, nhiệm vụ về công nghệ kiểm soát chất lượng không khí; khuyến khích đầu tư nghiên cứu đổi mới công nghệ, nâng cao hiệu quả sử dụng nhiên liệu trong công nghiệp để giảm phát thải.

**2.4. Quản lý phát thải từ hoạt động giao thông, tăng cường hệ thống giao thông công cộng và chuyển đổi giao thông xanh, thân thiện môi trường**

- Thiết lập “vùng phát thải thấp” tại Hà Nội và khuyến khích các thành phố khác (như TP Hồ Chí Minh, Hải Phòng, Huế, Đà Nẵng, Cần Thơ…) áp dụng thực hiện.

- Tăng cường năng lực cho các cơ sở kiểm định khí thải phương tiện giao thông; thí điểm chính sách ưu đãi, xã hội hóa trong chuyển đổi xe máy cũ sang xe điện; hỗ trợ tài chính cho học sinh, sinh viên sử dụng giao thông công cộng; phát triển mạng lưới quản lý, vận hành, kinh doanh xe đạp điện công cộng tại các điểm nút giao thông.

- Hoàn thiện, nâng cấp, mở rộng hệ thống giao thông công cộng; xây dựng lộ trình đầu tư, chuyển đổi xe chạy nhiên liệu hóa thạch sang xe buýt điện, hoàn thiện các tuyến đường sắt đô thị (metro) và xây dựng hạ tầng trạm sạc cho phương tiện sử dụng nhiên liệu thân thiện môi trường.

- Thực hiện chương trình chuyển đổi xe buýt sang sử dụng năng lượng sạch, xanh, thân thiện môi trường; thí điểm chính sách giới hạn số lượng xe máy đăng ký lưu hành mới, tiến tới ngừng cấp đăng ký xe máy sử dụng động cơ cháy do nén và cưỡng bức tại Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh.

- Quy hoạch và điều tiết các tuyến đường chuyên dụng cho xe trọng tải lớn, xe chở vật liệu xây dựng; tổ chức điều tiết giao thông khu vực nội đô vào giờ cao điểm.

- Hoàn thiện hệ thống cây xanh đa tầng dọc các tuyến đường giao thông, ưu tiên giống cây hấp thu bụi; thí điểm tích hợp hệ thống phun tưới tự động để tăng khả năng hấp thụ bụi trong hệ thống cây xanh giao thông đô thị.

**2.5. Quản lý hoạt động xây dựng, tăng cường vệ sinh khu vực công cộng, khu dân cư tập trung, xây dựng cảnh quan đô thị thông minh và góp phần cải thiện chất lượng môi trường không khí**

- Nghiên cứu và ứng dụng thí điểm các giải pháp phát triển công nghệ công trình xây dựng xanh, sinh thái, phát thải thấp; phấn đấu đạt 1.000 công trình xây dựng xanh theo các tiêu chuẩn quốc tế hoặc Việt Nam tại các đô thị trên cả nước vào năm 2030.

- Áp dụng các biện pháp kiểm soát chặt chẽ việc giảm bụi tại công trường thi công và khu vực lân cận; quy định và kiểm soát nghiêm ngặt hoạt động phá dỡ công trình xây dựng, đặc biệt hạn chế vào khung giờ cao điểm ô nhiễm không khí.

- Đầu tư bổ sung trang thiết bị chuyên dụng (xe hút bụi, phun rửa đường) để vệ sinh định kỳ; bổ sung hệ số lao động đặc biệt cho cán bộ vệ sinh đường phố trong khung giờ cao điểm ô nhiễm; tăng tần suất vệ sinh đường từ tháng 10 đến tháng 4 năm sau, tập trung tại khu vực mật độ giao thông cao, công trình xây dựng, bến xe, chợ dân sinh.

- Nghiên cứu và thí điểm triển khai hệ thống vệ sinh phương tiện giao thông (tại chỗ, lưu động) nhằm hạn chế phát sinh bụi; thí điểm công nghệ phun sương giảm bụi tại công trường xây dựng, khu dân cư, công viên và đường giao thông.

- Nghiên cứu và thí điểm triển khai các hoạt động, công nghệ về thu gom, xử lý, tái chế chất thải từ vật liệu xây dựng để làm nguyên, vật liệu cho hoạt động sản xuất khác.

- Nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao thí điểm công nghệ lọc bụi cho các tòa chung cư, bệnh viện, trường học, trang bị thiết bị lọc không khí tích hợp và hệ thống thông gió.

- Bổ sung vật liệu che phủ (cây xanh hoặc vật liệu chuyên dụng) cho bề mặt đất trống tại công trường xây dựng, vỉa hè, khuôn viên trường học, cơ sở hành chính, công ích và các công trình công cộng khác.

**2.6. Kiểm soát chặt chẽ các hoạt động đốt hở (đốt phụ phẩm nông nghiệp, chất thải sinh hoạt và các hoạt động đốt tại làng nghề)**

- Tăng cường sử dụng hệ thống theo dõi, giải pháp công nghệ và năng lực kỹ thuật giám sát từ xa (vệ tinh, viễn thám, camera giao thông, ứng dụng di động như iHanoi, mạng xã hội…) để kiểm soát hoạt động đốt hở trên địa bàn.

- Đầu tư mạng lưới thu gom và tái chế phụ phẩm nông nghiệp (cơ sở chế biến, trang thiết bị tái chế tại chỗ…).

- Ứng dụng thí điểm các biện pháp giảm thiểu tại các lò hóa vàng của cơ sở tâm linh, tôn giáo có đốt vàng mã; xây dựng kế hoạch, phương án từng bước chấm dứt thói quen đốt vàng mã.

**2.7. Xây dựng năng lực quan trắc, cảnh báo, dự báo nhằm kiểm soát phát thải và vận hành thử nghiệm hoạt động ứng phó trong tình trạng ô nhiễm khẩn cấp**

- Đầu tư và hiện đại hóa hệ thống quan trắc chất lượng môi trường tự động liên tục và định kỳ theo Quy hoạch Bảo vệ môi trường Quốc gia 2021-2030, đảm bảo dữ liệu liên tục, không gián đoạn.

- Nghiên cứu, ứng dụng, thí điểm ứng dụng công nghệ AI, công nghệ IoT, Big Data kết hợp dữ liệu từ cảm biến đo nhanh (LCS) tại các khu vực giao thông, dân cư tập trung và nơi thường xuyên phát sinh bụi, khí thải để phân tích dữ liệu, dự báo ô nhiễm và cảnh báo kịp thời; xây dựng hệ thống dự báo, cảnh báo ngắn hạn và dài hạn về chất lượng không khí.

- Diễn tập, thực hành và vận hành hệ thống ứng phó khẩn cấp khi môi trường không khí ô nhiễm đặc biệt nghiêm trọng; tổ chức chiến dịch truyền thông khẩn cấp khi AQI >300 trong 03 ngày liên tiếp qua ứng dụng di động và truyền hình địa phương.

- Giao chính quyền cấp xã, phường chủ động phát hiện, thông báo và cảnh báo các trường hợp đốt hở vi phạm quy định.

**2.8. Thanh tra, kiểm tra, giám sát và xử lý vi phạm**

- Giám sát chặt chẽ, thường xuyên tình trạng xả thải của các nguồn thải lớn; công khai danh sách vi phạm, áp dụng chế tài xử phạt, đình chỉ thi công (nếu cần) đối với công trình gây phát tán bụi và phương tiện vận chuyển vật liệu làm thất thoát ra môi trường.

- Xây dựng cơ chế giám sát, phân công trách nhiệm cụ thể cho từng cấp chính quyền khi xảy ra tình trạng ô nhiễm không khí trên địa bàn; kết hợp ứng dụng công nghệ thông tin, mạng xã hội và camera để giám sát công trường, hành vi đốt hở và phát thải gây ô nhiễm.

**2.9. Tăng cường hiệu quả hoạt động hợp tác quốc tế, thông tin và truyền thông**

***Hợp tác quốc tế:***

- Huy động nguồn lực giải quyết ô nhiễm không khí tại đô thị và cải thiện chất lượng không khí toàn quốc; tham gia liên minh khu vực, toàn cầu về kiểm soát ô nhiễm xuyên biên giới và biến đổi khí hậu; thu hút đầu tư, chuyển giao công nghệ sạch từ các đối tác quốc tế.

- Khuyến khích đầu tư nghiên cứu khoa học đổi mới công nghệ, nâng cao hiệu quả sử dụng nhiên liệu trong công nghiệp; xây dựng hệ số phát thải cho từng ngành, lĩnh vực tại Việt Nam làm cơ sở cập nhật kiểm kê phát thải.

- Tăng cường nghiên cứu, trao đổi kinh nghiệm với các quốc gia và tổ chức quốc tế về xây dựng quy định pháp luật, quản lý chất lượng không khí; tổ chức khóa đào tạo cán bộ kỹ thuật dựa trên kinh nghiệm Bắc Kinh, Băng Cốc.

- Phối hợp, đặt hàng các công trình nghiên cứu với viện nghiên cứu, trường đại học quốc tế về kiểm kê phát thải, giám sát và xử lý khí thải hiện đại.

***Thông tin và truyền thông:***

- Xây dựng chương trình truyền thông cộng đồng hiệu quả; lắp đặt bảng thông tin chất lượng không khí tại khu vực công cộng; thiết lập công cụ thông tin trên điện thoại di động và bản tin chính thống của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

- Công khai, minh bạch thông tin về chất lượng không khí trên các phương tiện thông tin đại chúng; ứng dụng mạng xã hội để phát hiện vi phạm và thông báo cho cơ quan chức năng xử lý.

- Huy động lực lượng tình nguyện từ các tổ chức chính trị - xã hội, trường đại học, hội nhóm bảo vệ môi trường; vận động cán bộ, công chức gương mẫu sử dụng phương tiện công cộng.

- Kết hợp, sử dụng mạng lưới VOV Giao thông, iHanoi và các hệ thống thông tin khác để phát hiện, cung cấp thông tin về phương tiện chưa đạt chuẩn khí thải, công trường phát tán bụi hoặc xe chở vật liệu làm rơi vãi ra môi trường.

**3. CÁC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN ƯU TIÊN THỰC HIỆN KẾ HOẠCH**

Danh mục các nhiệm vụ, dự án ưu tiên thực hiện Kế hoạch hành động quốc gia về khắc phục ô nhiễm không khí và quản lý chất lượng môi trường không khí giai đoạn 2025 – 2030 tại Phụ lục kèm theo.

**4. QUY CHẾ PHỐI HỢP, BIỆN PHÁP QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG KHÔNG KHÍ LIÊN VÙNG, LIÊN TỈNH**

a) Mục đích

- Thiết lập cơ chế phối hợp giữa các vùng, tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương nhằm quản lý, kiểm soát và cải thiện chất lượng môi trường không khí, đặc biệt trong trường hợp ô nhiễm không khí nghiêm trọng.

- Đảm bảo thông tin về chất lượng không khí được thu thập, báo cáo và công bố kịp thời, minh bạch, phục vụ công tác ứng phó và bảo vệ sức khỏe cộng đồng.

b) Phạm vi áp dụng: Áp dụng cho các cơ quan nhà nước, tổ chức, doanh nghiệp và cộng đồng trên phạm vi liên vùng, liên tỉnh tại Việt Nam, bao gồm các khu vực kinh tế trọng điểm như vùng Đồng bằng sông Hồng, Đông Nam Bộ.

c) Nguyên tắc phối hợp

- Đồng bộ và liên kết: Các biện pháp quản lý không khí phải được thực hiện đồng bộ giữa các địa phương, không bị giới hạn bởi ranh giới hành chính.

- Phòng ngừa là chính: Ưu tiên kiểm soát nguồn thải và ứng dụng công nghệ (trí tuệ nhân tạo…) để cảnh báo, dự báo ô nhiễm để giảm thiểu tác động trước khi xảy ra tình trạng nghiêm trọng.

- Ưu tiên khẩn cấp: Triển khai các biện pháp mạnh trong trường hợp “báo động đỏ” để cắt giảm phát thải tức thời.

- Công khai và minh bạch thông tin: Thông tin chất lượng không khí phải được công bố công khai, kịp thời tới cộng đồng qua các kênh chính thống.

- Huy động nguồn lực: Kết hợp nguồn lực từ ngân sách nhà nước, doanh nghiệp tư nhân và hỗ trợ quốc tế.

Trường hợp chất lượng môi trường không khí bị ô nhiễm nghiêm trọng trên phạm vi liên vùng, liên tỉnh, xuyên biên giới, Bộ Nông nghiệp và Môi trường báo cáo Thủ tướng Chính phủ để chỉ đạo thực hiện các biện pháp khẩn cấp theo quy định. Quy chế phối hợp liên vùng, liên tỉnh sẽ được tích hợp trong Kế hoạch hành động quốc gia về khắc phục ô nhiễm và quản lý chất lượng môi trường không khí giai đoạn 2025 – 2030.

**5. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**5.1. Phân công thực hiện**

a) Bộ Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành có liên quan và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tổ chức thực hiện Kế hoạch này; tiếp tục chỉ đạo, hướng dẫn Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương xây dựng và thực hiện kế hoạch quản lý chất lượng môi trường không khí cấp tỉnh; bổ sung, sửa đổi các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật quốc gia môi trường liên quan đến kiểm soát ô nhiễm môi trường không khí; tăng cường thực hiện công tác quản lý nhà nước về kiểm soát ô nhiễm không khí với hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ thuộc ngành, lĩnh vực do Bộ quản lý.

b) Bộ Xây dựng tổ chức triển khai thực hiện lộ trình áp dụng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải phương tiện giao thông cơ giới đường bộ; tăng cường kiểm soát các chất gây ô nhiễm trong khí thải từ các phương tiện giao thông; hoàn thiện chính sách quản lý, phát triển phương tiện giao thông cơ giới lắp động cơ điện, phương tiện sử dụng nhiên liệu thân thiện với môi trường trong các đô thị; phối hợp với Ủy ban nhân dân thành phố, thị xã đầu tư phát triển giao thông công cộng, giao thông thông minh trong các đô thị, kiểm soát chặt chẽ công tác bảo vệ môi trường tại các công trình xây dựng, cải tạo mặt đường, vỉa hè; thực hiện công tác quản lý nhà nước về kiểm soát ô nhiễm môi trường không khí thuộc phạm vi chức năng, nhiệm vụ do Bộ quản lý.

c) Bộ Công Thương chủ trì, phối hợp với các bộ liên quan phải đảm bảo chất lượng nhiên liệu và việc sản xuất, cung ứng nhiên liệu phải phù hợp với lộ trình áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn khí thải phương tiện giao thông cơ giới đường bộ lưu hành ở Việt Nam.

d) Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các bộ liên quan hỗ trợ nghiên cứu khoa học công nghệ về kiểm soát chất lượng không khí; tăng cường quản lý, nâng cao chất lượng nhiên liệu; đầu tư nghiên cứu khoa học cho các hoạt động về quản lý chất lượng không khí.

đ) Bộ Y tế thực hiện việc quan trắc các tác động đối với môi trường không khí từ hoạt động của ngành y tế; thực hiện các chương trình, dự án nghiên cứu ảnh hưởng ô nhiễm không khí tới sức khỏe; tăng cường tuyên truyền phổ biến các hướng dẫn và cảnh báo các biện pháp bảo vệ sức khỏe trước tác động của ô nhiễm không khí; tăng cường kiểm soát ô nhiễm từ các lò đốt chất thải y tế.

e) Bộ Giáo dục và Đào tạo xây dựng chương trình đào tạo bậc cao học, đại học, cao đẳng ngành công nghệ - kỹ thuật môi trường, trong đó có nội dung quản lý chất lượng không khí.

g) Bộ Tài chính chủ trì rà soát, hướng dẫn thực hiện chính sách ưu đãi, hỗ trợ về bảo vệ môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường trong đó có các chính sách ưu đãi, hỗ trợ về quản lý chất lượng môi trường không khí; cân đối, bố trí vốn từ ngân sách nhà nước và các nguồn vốn khác để thực hiện các nội dung, nhiệm vụ, dự án ưu tiên thực hiện Kế hoạch này theo quy định của pháp luật về thuế, về ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn hiện hành.

h) Bộ Văn hóa, thể thao và Du lịch chủ trì, phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Môi trường tăng cường phổ biến thông tin trên các phương tiện thông tin đại chúng về chất lượng môi trường không khí, những tác động xấu đến sức khỏe tại các đô thị lớn, đô thị có có chất lượng môi trường không khí bị ô nhiễm.

i) Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chưa xây dựng Kế hoạch quản lý chất lượng môi trường không khí cấp tỉnh cần triển khai ngay việc xây dựng và tổ chức thực hiện; tăng cường kiểm tra, thanh tra việc tuân thủ quy định pháp luật về bảo vệ môi trường các cơ sở phát sinh khí thải; nâng cao năng lực quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường không khí; đầu tư, nâng cấp hạ tầng kết nối phục vụ cho việc truyền dữ liệu về khí thải công nghiệp từ các cơ sở có lắp đặt hệ thống quan trắc khí thải tự động, liên tục về Sở Nông nghiệp và Môi trường và Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

k) Các Bộ trưởng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chỉ đạo, kiểm tra đôn đốc việc triển khai Kế hoạch này; định kỳ hàng năm báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ, dự án được giao chủ trì, gửi Bộ Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

l) Các cơ sở sản xuất tuân thủ nghiêm các quy định pháp luật về kiểm soát ô nhiễm không khí từ hoạt động sản xuất; chủ động thực hiện nâng cao năng lực, cải tiến đổi mới quy trình, trang thiết bị sản xuất, thiết bị xử lý khí thải đảm bảo không gây ô nhiễm không khí; thực hiện thường xuyên việc quan trắc, giám sát khí thải.

**5.2. Phân bổ nguồn lực thực hiện**

Nguồn lực bao gồm: (1) Nguồn ngân sách nhà nước gồm ngân sách trung ương, ngân sách địa phương theo phân cấp quản lý ngân sách nhà nước; (2) Nguồn hỗ trợ quốc tế, bao gồm vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA), vốn hỗ trợ và vay ưu đãi; (3) Nguồn vốn vay thương mại và đầu tư tư nhân gồm tín dụng xanh, trái phiếu doanh nghiệp xanh; vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI); vốn vay thương mại và đầu tư tư nhân khác; (4) Nguồn vốn cộng đồng và xã hội khác: vốn huy động công - tư cho các dự án đầu tư, các quỹ trong nước và các nguồn vốn cộng đồng và xã hội hợp pháp khác.

**Điều 2.** Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

**Điều 3.** Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Như Điều 3;  - Ban Bí thư Trung ương Đảng;  - Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;  - Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;  - HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;  - Văn phòng Trung ương Đảng và các Ban của Đảng;  - Văn phòng Tổng Bí thư;  - Văn phòng Chủ tịch nước;  - Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;  - Văn phòng Quốc hội;  - Tòa án nhân dân tối cao;  - Viện kiểm sát nhân dân tối cao;  - Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;  - Cơ quan trung ương của các đoàn thể;  - Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam;  - VPCP: BTCN; các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT,  các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;  - Lưu: VT, NN&MT, MT,…. | **THỦ TƯỚNG**  **Phạm Minh Chính** |